

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 499/2026/DS-PT

Ngày 09-6-2026

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt;
Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 tháng 6, ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (Trụ sở 1) xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2026/TLPT-DS ngày 29/4/2026, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1029/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu phố C, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Anh Lâm Hữu N, sinh năm 1989; (theo Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2026)

Địa chỉ: Số G, T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Nguyễn Thị Thu T, anh Lâm Hữu N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:* Ngày 29/8/2016, bà có mượn giùm cho ông V 10 chỉ vàng 24K, ông V hứa 02 tháng trả. Do ông V không trả nên bà phải mượn con bà để trả 10 chỉ vàng 24K và 2.000.000 đồng tiền lãi. Hiện con bà bệnh, cháu bà đi học không có tiền, bà đòi ông V nhưng không trả. Bà yêu cầu ông V trả 10 chỉ vàng 24K và 2.000.000 đồng tiền lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2025 bà T trình bày: Số vàng bà vay của bạn bà năm 2016 do V năn nỉ bà quá nên mới vay giùm. Khi vay bà cũng có nói với bạn bà là vay giùm cho ông V nhưng khi làm biên nhận vay thì bà làm với bạn bà. Sau đó bà đem vàng về đưa cho ông V thì ông V làm biên nhận với bà. Biên nhận ngày 29/8/2016 do ông Vũ V1 và ký tên đưa cho bà giữ, được viết sau khi bà đưa vàng cho ông V do bạn bà kêu bà làm biên nhận với ông V. Bạn bà tên họ gì bà không rõ chỉ biết ở xóm kêu là Vợ Dũng A. Hiện bạn bà đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T chỉ yêu cầu ông V trả 10 chỉ vàng 24K, không yêu cầu trả 2.000.000 đồng tiền lãi.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T với lý do ông và bà T là chị em ruột thời điểm tháng 8/2016 ông có ghi biên nhận nhờ bà T hỏi giùm vàng nhưng thực chất bà T không có đưa vàng. Do đó ông yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông V trình bày: Ông V có nhờ bà T vay vàng giùm nhưng không biết bà T sẽ vay vàng của ai. Bà T yêu cầu ông V làm biên nhận trước rồi sẽ đưa vàng sau nhưng bà T lại không đưa vàng mà giữ lại biên nhận đến nay. Ông V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp) đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T 10 chỉ vàng 24K.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông V trả 2.000.000 đồng tiền lãi.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 8.591.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật và thi hành án.

Ngày 05/02/2026, ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông V. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Lâm Hữu N đại diện cho ông V trình bày: Biên nhận là do ông Vũ V1 nhưng ông V không có nhận vàng, chỉ viết biên nhận để làm tin cho bà T đi vay giùm. Cho nên nghĩa vụ chứng minh là của bà T không phải của ông V. Bà T không có chứng cứ để yêu cầu ông V trả vàng. Việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp. Ông V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T, ông V yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V còn trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Xét thấy:

Bà T và ông V đều thống nhất trình bày, do bà T là chị ruột của ông V nên ông V có nhờ bà T vay giùm 10 chỉ vàng 24K và viết biên nhận ngày 29/8/2016 do ông Vũ V1 và ký tên. Tuy nhiên, bà T trình bày bà đã vay vàng và đưa cho ông V xong, biên nhận được viết sau khi nhận vàng, còn ông V trình bày do bà T yêu cầu ông viết biên nhận trước mới đi vay giùm nên ông mới viết nhưng sau đó bà T không có đưa vàng cho ông nhưng vẫn giữ biên nhận nên ông không đồng ý trả vàng cho bà T.

Theo nội dung biên nhận ngày 29/8/2016 do ông Vũ G: *“Tôi Nguyễn Văn V: sinh 1973 có nhờ chị thu tâm hỏi dùm 10 chỉ vàng 24Kr. Ngày 29/8/2016”*. Ông V cho rằng không có nhận vàng từ bà T nhưng ông V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, ông cũng không yêu cầu bà T hủy giấy biên nhận, trường hợp bà T không hủy ông có thể báo chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông vẫn để đến nay, ông cũng không có khởi kiện, tranh chấp yêu cầu hủy đối với biên nhận này. Từ đó cho thấy thực tế ông có nhận vàng từ bà T theo biên nhận. Cho nên, Tòa án sơ thẩm giải quyết buộc ông V trả cho bà T 10 chỉ vàng 24K là phù hợp.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và anh N đại diện cho ông V đều thống nhất trình bày, ông V có nhờ bà T vay giùm 10 chỉ vàng 24K, có làm biên nhận ngày 29/8/2016 do ông Vũ V1 và ký tên.

Bà T cho rằng bà đã trả vàng bà mượn giùm cho ông V xong, người cho mượn đã xé biên nhận nên bà không thể cung cấp biên nhận cho Tòa án được.

Anh N đại diện cho ông V cho rằng ông V có nhờ bà T vay giùm 10 chỉ vàng 24K, có làm biên nhận ngày 29/8/2016 do ông Vũ V1 và ký tên nhưng thực tế bà T không có đưa vàng cho ông V. Anh N trình bày nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Hội đồng xét xử xét việc trình bày của anh Nghĩa L chưa phù hợp và không cơ sở để chấp nhận.

[3] Ông V kháng cáo nhưng ông V không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét việc trình bày và yêu cầu kháng cáo của ông V là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ các căn cứ, nhận định và phân tích nêu trên, xét thấy án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ông Nguyễn Văn V phải chịu 8.591.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 26, 38, 91, 92, 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2026/DS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về yêu cầu ông Nguyễn Văn V trả 2.000.000 đồng tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T 10 chỉ vàng 24K.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ông Nguyễn Văn V phải chịu 8.591.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002467 ngày 10/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GD, KT, TT-THA Tòa án Tỉnh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tôn